

SỰ THAY ĐỔI HÌNH THỨC XUNG HỒ TRONG GIAO TIẾP GIA ĐÌNH VIỆT TỪ GÓC ĐỘ MẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI NGÔN NGỮ (khảo sát trên cứ liệu phim *Hôn nhân trong ngõ hẹp*)

Bùi Thị Diệu Trang

Học viên cao học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài 13/3/2018, ngày nhận đăng 05/7/2018

Tóm tắt: Xung hồ luôn là yếu tố được ưu tiên lựa chọn trong quá trình giao tiếp của người Việt. Sự thay đổi hình thức xung hồ trong gia đình thể hiện một phần nào văn hóa, tính cách và đặc trưng văn hóa ngôn ngữ của dân tộc. Người thực hiện hội thoại hoàn toàn chú ý trong các cách xung hồ tùy vào thái độ, hoàn cảnh, đối tượng và mục đích giao tiếp. Bài viết này tập trung nghiên cứu sự thay đổi hình thức xung hồ trong mạng gia đình là cơ sở để tìm hiểu và phân tích một cách tổng quát nhất các mối liên kết khác trong mạng quan hệ xã hội ngôn ngữ.

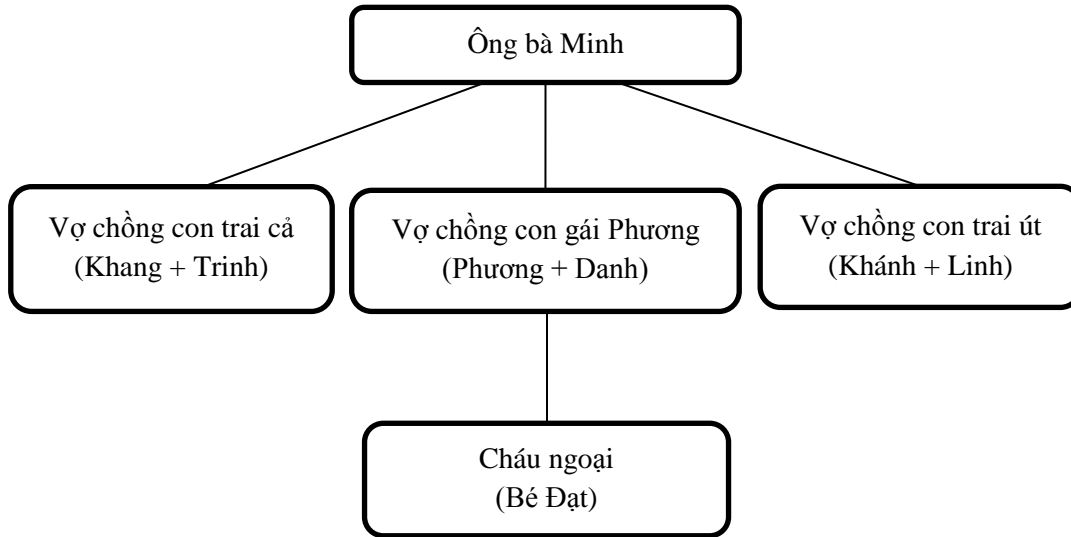
1. Đặt vấn đề

1.1. Mạng quan hệ xã hội ngôn ngữ là một công cụ phân tích hữu ích để giải thích tính hệ thống của sự biến đổi ngôn ngữ ở các môi trường khác nhau. Mạng gia đình là một trong số những mạng quan trọng nhất trong hệ thống mạng quan hệ xã hội, thuộc kiểu loại mạng trao đổi. Các mối liên kết trong mạng này rất vững chắc, thường có những tương tác trực tiếp, trao đổi, phê bình, hỗ trợ và can thiệp lẫn nhau. Đặc điểm chung của các thành viên trong mạng gia đình là có cùng những mối liên kết thân tình, không thể dễ dàng tháo bỏ về mọi mặt. Thứ tự mỗi quan hệ trong mạng tầng bậc, theo tôn ti chòng chéo lên nhau. Ví dụ: một người ở vai là chồng (trong quan hệ với vợ), là cha (trong quan hệ với con), là cậu, là chú (trong quan hệ với cháu) nhưng lại là cháu, là con... trong một tổng hòa mối quan hệ khác. Các hình thức xung hồ trong mạng này mang tính chủ đạo, ảnh hưởng trực tiếp đến các mạng khác, điều hòa cho tất cả các mối quan hệ trong xã hội. Việc phân tích một cách kỹ lưỡng các hình thức thay đổi trong xung hồ ở mạng gia đình sẽ góp phần tạo lập những cơ sở vững chắc để hiểu rõ hình thái thay đổi xung hồ của các loại quan hệ khác trong xã hội.

1.2. Phạm vi bài viết chỉ giới hạn khảo sát xung hồ trong giao tiếp gia đình của người Việt. Ngữ liệu được chọn từ bộ phim gia đình *Hôn nhân trong ngõ hẹp* gồm 30 tập, được phát sóng trên kênh VTV3 Đài Truyền hình Việt Nam trong khung giờ 21h20, thứ 4 và thứ 5 hàng tuần, từ ngày 29/4/2015. Lời thoại được văn bản hóa và xây dựng bối cảnh cụ thể để phân tích ngữ liệu.

Xung hồ cũng không còn là vấn đề mới mẻ trong Ngôn ngữ học, thậm chí nó mang tính chất truyền thống được nghiên cứu dưới góc độ từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng... Tuy nhiên trong bài viết này, từ xung hồ được dùng như một minh họa của các liên kết trong mạng gia đình. Các ví dụ được đề cập sẽ được chúng tôi đánh dấu lời thoại từ (1) để tiện theo dõi, phân tích.

Sơ đồ mô hình gia đình của bộ phim như sau:



2. Đặc trưng của sự thay đổi hình thức xưng hô trong gia đình người Việt (khảo sát trên cứ liệu phim *Hôn nhân trong ngõ hẹp*)

Trong quá trình giao tiếp, các thành viên trong mạng sẽ vận dụng các yếu tố tác động đến giao tiếp một cách linh hoạt và phù hợp với hoàn cảnh. Tuy nhiên, để duy trì tổng thể hài hòa của mạng gia đình - vốn là một lên kết chặt chẽ, các thành viên sẽ cố gắng duy trì hài hòa các liên kết bằng ba đặc trưng: tính dị biến, tính thương lượng và tình thích nghi.

2.1. Tính dị biến

Tùy vào hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, mỗi người sẽ có cách lựa chọn từ xưng hô phù hợp nhất. Cách xưng hô biểu thị một cách rõ ràng khoảng cách của người nói và người nghe, thái độ của nhân tố giao tiếp với nội dung giao tiếp, mục đích và tình cảm trong giao tiếp.

Đề bộc lộ rõ tình cảm trong giao tiếp gia đình, người mẹ với một thái độ cố định về tình cảm với ba người con có cách xưng hô rõ ràng phân biệt (Ngữ cảnh 1, Tập 1: 20'29s - 23'19s) như sau:

- *Mẹ - con/con gái mẹ/các con*: người con được yêu thương nhất - vị thế không ngang bằng (trên - dưới) trong gia đình và thái độ thân ái, nhẹ nhàng.

- *Mẹ/tao - mày/chúng mày*: người con bị ghét, coi thường - vị thế không ngang bằng và thái độ bức dọc, không hài lòng.

- *Mẹ/tôi - anh/chị*: người con không được thương nhưng có địa vị, lớn tuổi trong gia đình - vị thế không ngang bằng, thái độ không hài lòng nhưng giữ khoảng cách.

Qua cách xưng hô, người nói đồng thời thực hiện việc bộc lộ thái độ, hành vi giao tiếp đối với từng nhân vật cụ thể, được chia ranh giới khá rõ ràng. Chẳng hạn bà Minh đang nói với Phương: *Bình ga hết rồi đấy, chiều **mày** gọi đi nhá*. Nhưng khi cậu con trai cả xuất hiện, bà Minh liền thay đổi cách xưng hô: *Còn **anh** nữa, thế khi nào **anh** định có*

cháu để cho tôi bé đây? Cũng trong thời điểm đó, khi Khánh - con trai út cùng vợ xuất hiện, bà Minh lại sử dụng những từ xưng hô mang tính tình cảm: *Úi giờ ơi đẹp đôi thế, cứ như tiên đồng ngọc nữ í. Cái váy này xinh thế hả con. Thế tối nay ăn gì để mẹ nấu cho nào.* Cùng là con nhưng bà Minh có cách xưng gọi các con khác nhau, thể hiện thái độ rõ ràng với từng đối tượng. Tuy vậy, các con, vốn là bậc dưới trong mạng này sẽ không có quyền ý kiến hay tỏ thái độ về cách thức xưng hô, việc lựa chọn từ xưng hô hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào người có bậc cao hơn trong mạng.

Thái độ lâm thời của người nói cũng mang lại sự khác biệt trong cách xưng hô. Ngữ cảnh 2 (Tập 1: 10'03s - 10'12s):

- Phương: **Anh!** Khi nào **anh** về? (1)
- Danh: Khi nào về **anh** báo. **Anh** xin lỗi, đúng hôm sinh nhật **em anh** lại phải đi (2).

Cách xưng hô anh - em biểu thị mối quan tâm nhẹ nhàng, gần bó. Nhưng cũng cùng một đối tượng giao tiếp đó, trong một cung bậc tình cảm khác, nhân vật chọn những cách xưng hô khác biệt ở ngữ cảnh 3 (Tập 9: 4'11s - 14'58s) như sau:

- Danh: **Anh** xin lỗi hôm nay anh có hẹn với nhà thầu nên về muộn. (3)
- Phương: Ai khảo đâu mà xưng. (4)
- Danh: **Anh** sợ **em** phật ý thôi. (5)
- Phương: Không rồi hơi. (6)
- Danh: Nhà có gì ăn không **em**? (7)
- Phương: Tưởng tiếp khách thì ăn rồi. (8)
- Danh: Đi tiếp khách chủ yếu là nói chuyện với khách hàng, ăn uống được gì đâu. (9)
- Phương: **Anh** không gọi điện về nên không nấu. (10)
- Danh: Thế mẹ con **em** ăn gì rồi. (11)
- Phương: Thiếu gì thứ để ăn, ra ngoài thì có hết, không ăn cơm thì có phở, **anh** đói thì nấu mì mà ăn. (12)
- Danh: Thôi, **anh** đi tắm đây. (13)

Ở đây, nhân vật Phương đang giận dỗi chồng, cách lựa chọn xưng trổng không biểu thị sự bất cần không cần quan tâm chăm sóc (4) (6) (8) (12). Nhưng trước thái độ kiên định dùng từ xưng hô *anh - em* của Danh, lượt lời (8) Phương cũng dùng từ xưng hô *anh* để trả lời lại Danh. Và Danh ở lượt lời (7) cũng dùng cách nói trổng không, ảnh hưởng bởi cách xưng hô cũng như thái độ của Phương. Lượt xưng hô trổng không là một cách để nhân vật cố tình bẻ gãy liên kết nhưng đây cũng chỉ là một cách chống đối yếu ớt, chưa đủ để bẻ gãy liên kết này. Hoặc trong ngữ cảnh 4 (Tập 2: 07'35s - 08'45s):

- Phương: **Anh** bảo mệt mà cứ ngồi đấy thế. **Em** đang nói chuyện với **anh** đấy. (14)
- Danh: Có mỗi cái chuyện tập xe mà cứ lằng nhằng. (15)
- Phương: Nhưng **anh** hứa với con rồi thì phải làm chứ. (16)
- Đạt: Mẹ ơi, con không tập xe nữa đâu. (17)
- Phương: Không sao đâu con, mẹ sẽ nhờ ông hoặc nhờ cậu Khánh. Nhà thiếu gì đàn ông. (18)
- Danh: Đứng im đấy. Để **tôi**. (Mở tủ) Có mỗi cái khóa bảo sửa bao lần không sửa. (19)
- Phương: Sao **anh** không sửa? (20)

- Danh: *Đây không phải nhà tôi.* (21)

Để biểu thị sự mệt mỏi và giận dữ, Danh chọn cách đối xưng hô bằng trống không và tôi (15) (19) (21). Cách nói biểu thị sự cộc cằn, khó chịu. Phương dù rất bực dọc trước thái độ của chồng nhưng vì có con trai nhỏ đang đứng ở đấy, cô nhẫn nại dùng cách xưng hô *anh - em* (14) (16) (20) nhằm duy trì quan hệ thân mật. Như vậy, cách xưng hô ở cùng một mối quan hệ có thể thay đổi theo những chiều hướng khác nhau, khi muốn bề gãy liên kết vốn có, người nói sẽ chọn những từ xưng hô mang tính âm tính, tạo khoảng cách.

Trình độ học vấn cũng là một phần rất quan trọng trong việc lựa chọn từ xưng hô. Chẳng hạn với ngữ liệu thu thập được, trong vai trò là bố mẹ xưng với các con thì chia làm hai cách thức rõ nét. Với trình độ thấp, các từ xưng hô suồng sã như mày, tao, chúng mày, chúng tao... được lựa chọn dùng thường xuyên (nhân vật bà Minh). Với người trình độ cao hơn, thường dùng các từ xưng hô chính danh như *bố/con - ông/cháu*, ngay cả khi tức giận cũng chỉ đổi từ xưng hô thành *tôi/anh* (nhân vật ông Minh, các con bà Minh).

Tùy vào các nhân tố như: tuổi tác, tính cách, thời đại... người nói cũng sẽ lựa chọn hình thức xưng hô khác nhau, dù trong cùng một mối quan hệ. Chẳng hạn, cùng là mối quan hệ vợ - chồng nhưng sẽ có nhiều cách xưng hô như:

- Bà - *tôi/ Ông - tôi* với cặp vợ chồng đứng tuổi, xưng thay cháu, có khoảng cách, nghiêm túc, ít bộc lộ tình cảm.

- Xưng hô *anh - em* với các cặp vợ chồng trí thức, còn trẻ, bộc lộ mối quan hệ gần gũi, gần bó.

- Xưng hô *chồng - vợ* với cặp vợ chồng trẻ, nũng nịu, bộc lộ tình cảm rõ nét trước mặt mọi người.

Những kiểu xưng hô này thể hiện rõ nếp văn hóa tình cảm, sự hòa hợp trong đời sống hôn nhân cũng như sắc thái tình cảm: yêu thương, giận dỗi, xung đột, bất hòa...

2.2. Tính thương lượng

Xét ngữ cảnh 5 (Tập 3: 15'23s - 24'26s) sau: (Khi Phương đưa Danh xem bằng chứng tố cáo chuyện ngoại tình của Danh)

- Danh: *Cái gì đấy?* (22)

- Phương: **Anh** xem đi thì biết. (23)

- Danh: *Cô theo dõi tôi đấy à ?* (24)

- Phương: *Hừ, không theo dõi thì làm sao mà biết **anh** mèo mà gà đồng ở bên ngoài.* (25)

- Danh: *Ai mèo mà gà đồng? Cô có biết đây là ai không? Đây là đồng...* (26)

- Phương: *Là đồng nghiệp của **anh**. Tôi biết thế nào **anh** chả nói như vậy, như thế thì **tôi** mới phải đi theo dõi, đi theo dõi **tôi** mới biết là cô ta ở đâu. **Anh** và cô ta như thế nào?* (Im lặng) (27)

- Phương: **Em** nói ra chỉ để **anh** nghĩ lại, hãy vì con, vì 7 năm chung sống. Chúng ta đã cố gắng xây đắp cho hạnh phúc như thế nào? **Anh** nghĩ lại đi. (28)

- Danh: **Anh** nói rồi, **anh** và cô ta chỉ là quan hệ đồng nghiệp, **em** đừng chụp mũ **anh**. (29)

- Phương: *Đến bây giờ mà **anh** vẫn còn nói như thế à?* (30)

Quan sát ví dụ trên đây ta có thể nhận thấy nhân vật Danh có 3 lần thay đổi phương thức xưng hô:

- Lượt 1: Xưng trống không: thái độ bức dọc, bất cần. (22)
- Lượt 2: *Tôi - cô* : thái độ giận dữ, khoảng cách và quyền uy. (24) (26)
- Lượt 3: *Anh - em*: thái độ năn nỉ, tình cảm, thuyết phục. (29)

Nhân vật Phương thay đổi xưng hô hai lần:

- Lượt 1: *Anh - tôi*: thái độ giận dữ, bức dọc, khoảng cách. (23) (25) (27) (30)
- Lượt 2: *Anh - em*: thái độ thuyết phục, tình cảm. (28)

Có thể thấy qua đối thoại trên, các nhân vật hoàn toàn chủ động trong việc thay đổi các từ xưng hô nhằm mục đích chuyển tải thông điệp tình cảm và thái độ. Đồng thời hai nhân vật cũng nhanh chóng thay đổi, thích nghi với phương thức xưng hô của đối tượng giao tiếp. Khi những cố gắng bề gãy liên kết bất thành, nhân tố giao tiếp sẽ tự quay về với những liên kết bền vững vốn có. Ngữ cảnh 6 (Tập 2: 05'42s - 06'45s): (Bà Minh đi chợ về, Phương ra đón và xách đồ hộ)

- Phương: *Sao **mẹ** mua nhiều đồ ăn thế?* (31)
- Bà Minh: *Mua về để cho vợ chồng thằng Khánh nó tắm bồ chứ còn làm gì nữa. Vợ chồng nhà nó dạo này làm việc vất vả gây sộp cả người đi. Nhìn xót hết cả ruột.* (32)
- Phương: *Mỗi lần **mẹ** đi chợ cứ như là muốn khuân cả cái chợ đi í, bảo làm sao mà không đau xương đau cốt* (33). (Quay người xách đồ vào nhà)
- Bà Minh: *Này!* (34)
- Phương: *Dạ.* (35)
- Bà Minh: *Pha cho **mẹ** cốc nước cam nhá.* (36)
- Phương: *Vâng, để **con** giặt xong mẻ quần áo này đã.* (37)

Thái độ cố hữu của bà Minh dành cho Phương là không có nhiều cảm tình, suồng sã nên mở đầu hội thoại, bà Minh dùng cách nói trống không (32) nhưng khi nhờ vả Phương, bà đổi sang cách xưng hô *mẹ - con* (36). Rõ ràng người nói có ý thức điều khiển cách dùng từ xưng hô để điều chỉnh thái độ, thực hiện mục đích của hội thoại.

Ngữ cảnh 7 (Tập 3: 30'50s - 32'42s và 33'15s - 34'04s): (Buổi sáng, vợ chồng ông Minh gọi vợ chồng Khang - con trai cả vào nói chuyện)

- Khang: ***Mẹ** gọi vợ chồng **con** có việc gì đấy ạ.* (38)
- Bà Minh: *Thế khi nào **anh chị** định sinh cháu đích tôn cho cái nhà này đây?* (39)
- Ông Minh: *Kìa, bà cứ bình tĩnh đã nào.* (40)
- Bà Minh: *Nay là 5 năm 4 tháng 13 ngày kể từ khi **anh chị** chính thức làm lễ cưới.* (42)
- Trinh: *Dạ, **chúng con** biết là **bố mẹ** rất yêu quý **chúng con** nên mới quan tâm như vậy. Thật ra vợ chồng **con** cũng đang định kế hoạch để năm nay có thể sinh con ạ.* (43)
- Khang: *Dạ vâng ạ.* (44)
- Bà Minh: *Giờ này mà vẫn còn kế với **chả hoạch**, tính với **chả toán**. Hay là tịt hẩn rồi hả?* (45)
- Khang: *Kìa **mẹ**.* (46)

- Ông Minh: Bà này. **Các con** nó đều là trí thức cả, ăn nói phải cẩn thận chứ. (quay sang Trinh và Khang) Thế này **các con** ạ, **các con** cũng phải tính đến chuyện sinh con đi, đúng là **bố mẹ** mong có cháu đích tôn để nối dõi tông đường họ Lê Minh thật. Nhưng cái chính là **bố mẹ** cũng lo cho **các con**, lớn tuổi rồi, sinh con cũng khó khăn đấy, chưa kể là xác suất rủi ro cũng lớn đấy **các con** ạ. Mà chả lẽ lại sinh 1 đứa, nhà nước cho hai cứ sinh hai đứa **các con** ạ. (47)

- Bà Minh: Ôi giờ ơi, ông cứ vòng vo tam quốc, hai là hai, dứt khoát phải để bằng được con trai thì mới thôi. (48)

- Khang: Kìa **mẹ**, chuyện con trai con gái có phải cứ muốn là được đâu ạ. (49)

- Bà Minh: **Tôi** không biết, **anh** làm trong ngành y dược tự **anh** phải biết. Người ta canh ngày canh giờ để con trai ằm ằm ra đấy. Lí do với chả lí trấu. (50)

- Khang: **Mẹ**, nói gì thì gì, nhà mình vẫn còn thằng Khánh nữa cơ mà. (51)

- Bà Minh: Thằng Khánh là chuyện của thằng Khánh, dính dáng gì đến vợ chồng nhà **anh chị**. (52)

- Khang: **Vợ chồng con** bận rộn nhiều công việc quá nên chưa nghĩ đến chuyện con cái chứ không phải là không nghĩ đến đâu ạ. (53)

- Bà Minh: **Anh** đừng có lí sự. **Anh** lo chuyện kiếm tiền là được, chẳng lẽ **anh** không nuôi nổi vợ con **anh** à. Còn **chị** í, tập trung vào việc sinh con đi, nếu mà bận rộn quá thì nghỉ hẳn ở nhà, bao giờ để con bằng được thì mới thôi, nghe chưa? **Tôi** không nhiều lời. (54)

- Ông Minh: **Các con**, **bố mẹ** có ý kiến như thế, **các con** cứ tính đi, coi như đây là lần đầu tiên **bố mẹ** chính thức có ý kiến với các con về chuyện con cái. (55)

- Khang và Trinh: Dạ vâng ạ. (56).

- Ông Minh: Thôi, đến giờ rồi, **các con** đi làm đi. (57)

Cùng ở vai trò **bố - mẹ** nhưng ông Minh và bà Minh có hai cách lựa chọn phương thức giao tiếp khác nhau. Bà Minh sử dụng hình thức áp đặt, sử dụng vị thế vai trên của mình, dùng cách gọi **anh chị** (39), xưng **tôi** (50) và nói trống không (45). Thái độ của nhân vật khá gắt gông, thiếu thiện cảm. Ông Minh lại bắt đầu vai trò của mình ở một hướng tiếp cận khác với vai xưng hô **bố mẹ** và **các con** (47) (55). Ông Minh muốn khuyên nhủ, dùng tình cảm để thuyết phục con. Điều này còn có thể một lần nữa thấy rõ khi ở ngữ cảnh 8 (Tập 13: 2'54s - 03'50s):

- Bà Minh: **Anh** nói sao thì **tôi** biết thế nhưng mà **tôi** cũng cảnh cáo để cho **anh** biết nhà này không chứa chấp cái loại người lừa vợ dối con làm điều vô si đâu đấy. **Anh** là con rể nhà này, đừng để **tôi** nặng lời kéo lại bảo **tôi** ác miệng. **Anh** đừng có bôi tro trát trấu vào gia đình nhà này, nếu mà **anh** đủ bản lĩnh í, thì **anh** hãy đi ra khỏi cái gia đình nhà này đi, lúc đấy **anh** muốn làm gì thì làm. (58)

- Ông Minh: Thôi, coi như là hiểu lầm đi, nhưng **bố** vẫn phải nhắc nhở **con** làm cái thân thằng đàn ông í, thì phải cho nó đàng hoàng, bây giờ ngoài xã hội nhiều cám dỗ, nhiều cạm bẫy, **con** là người có gia đình rồi, phải luôn nghĩ cho vợ **con**, nhất là cho con cái. Thằng Đạt nó cũng lớn rồi nếu nó biết chuyện nó sẽ nghĩ như thế nào và **con** sẽ dạy dỗ nó ra làm sao? (59)

Đối với từng cá nhân, chủ trương về việc sử dụng các hình thức xưng hô sao cho phù hợp với hoàn cảnh không có một mô thức chung, mỗi người sẽ tự lựa chọn một hình thức phù hợp nhất mà cá nhân cho rằng sẽ đạt được mục đích đề ra.

2.3. Tính thích nghi

Bởi vì tính thương lượng như trên, việc lựa chọn phương thức xưng hô cũng được sử dụng để phù hợp với từng hoàn cảnh. Xét ngữ cảnh 9 (Tập 1: 37'10s - 37'55s) sau:

- Đạt: **Con chào ông ạ.** (60)

- Ông Minh: Ủ, vào đây với **ông**. Hôm nay học hành thế nào **con**? Sao mà mặt **con** ỉu xìu xìu thế? Bạn nào bắt nạt **con** à? Được rồi, để hôm nào **ông** đến lớp, **ông** lên lớp cho nó 1 trận. (61)

- Đạt: (lắc đầu) Hôm nay bà không mua đồ chơi cho **cháu**, bà còn mắng **cháu**. (62)

- Ông Minh: Thôi được rồi, **cháu** cứ ngoan đi rồi **ông** mua đồ chơi cho nhà. (63)

- Đạt: Vâng ạ. (64)

Nhân vật bé Đạt bắt đầu hội thoại với cách xưng hô *con - ông* không đúng vai *ông - cháu* (60) và ông Minh đáp lại cũng bằng phương thức tương ứng *ông - con*. Khi Đạt thay đổi lượt lời (62) sang xưng hô đúng vai *ông - cháu* thì ngay lập tức ông Minh cũng thay đổi cách gọi (63) đúng vai theo lượt lời này. (62)

Tính thích nghi cũng thể hiện rất rõ trong việc lựa chọn từ xưng hô với các nhân vật khác nhau. Xét ngữ cảnh 10 (Tập 8:2'41s - 3' 51s):

- Trinh: **Mẹ** ạ, **vợ chồng con** biếu **mẹ** tiền tiêu vặt tháng này ạ. (65)

- Bà Minh: Quý hóa quá, **tôi** chả dám nhận của **chị** đâu. Ở bên này, con Linh nó lo cho **tôi** chả thiếu thứ gì cả. (66)

- Trinh: Vâng, **con** biết là **vợ chồng** cô chú ấy chu đáo không để **mẹ** phải thiếu thứ gì cả, nhưng đây là tấm lòng của **vợ chồng con**, **con** xin **mẹ**, **mẹ** cứ nhận cho **chúng con** yên tâm ạ. (67)

- Bà Minh: **Chị** nói thế thì **tôi** xin nhận, cảm ơn. (68)

- Trinh: **Mẹ** để **con** đỡ **mẹ** một tay ạ. (69)

- Bà Minh: Thôi, ở bên này toàn những đồ hiện đại, **chị** không quen làm đâu. (70)

- Linh: **Con** chào **mẹ**. (71)

- Bà Minh: **Con** về rồi đấy à. (72)

- Linh: **Chị** Trinh... Vâng ạ. **Chị** đợi em lâu chưa? (73)

- Trinh: **Chị** vừa đến thôi. (74)

- Linh: Vào đây đi **chị**. (75)

Ở các lượt lời (66) (68) (70) bà Minh dùng cách xưng hô *tôi - chị* để nói chuyện với cô con dâu lớn là Trinh (vốn dĩ bà không ưa) nhưng ngay khi Linh - cô con dâu út và là người bà yêu quý xuất hiện, cách xưng hô ngay lập tức thay đổi thành *mẹ - con* (72). Trong cùng một môi trường, một ngữ cảnh giao tiếp, các đối tượng giao tiếp có vai, bậc như nhau nhưng người nói có sự lựa chọn chủ đích với từ xưng hô sao cho phù hợp với biểu cảm của mình khi giao tiếp.

Nhưng cho dù các vai trong gia đình có thay đổi phương thức xưng hô cho phù hợp với đối tượng thì vẫn tuân thủ khá nghiêm ngặt nguyên tắc lịch sự, tôn ti. Dù vai trên

là bố - mẹ có dùng cách xưng hô *bố/ mẹ/ tôi* hay *tao* thì vai dưới là con và cháu vẫn dùng xưng khiêm: *con/ cháu*.

Tóm lại, để thích nghi với sự co giãn của các liên kết trong mạng quan hệ xã hội của mỗi người, việc xưng hô là không bất biến, chúng được thay đổi cho phù hợp với đối tượng giao tiếp trong hoàn cảnh khác nhau.

3. Kết luận

Trong giao tiếp gia đình, sự lựa chọn các hình thức xưng hô thể hiện rõ vị thế, quyền lực trong gia đình cũng như thái độ của các nhân vật trong giao tiếp. Các vai trên như ông, bà, bố, mẹ thường sử dụng những hình thức xưng hô đa dạng thể hiện quyền lực như *tôi/ tao/ bố/ mẹ/ ông/ bà* để bày tỏ các thái độ giao tiếp khác nhau. Trong những trường hợp đó, các vai dưới trong bậc tôn ti vẫn sử dụng nhất quán các từ xưng hô thể hiện sự khiêm nhường. Các vai giao tiếp vợ chồng luôn có sự tương ứng trong xưng hô từ thiết lập sự hài hòa, gắn kết như *vợ/ chồng; anh/ em* cho đến những rào cản xung đột như *tôi/ cô*. Khi cần thương lượng, thuyết phục đối tượng, các vai xưng khiêm cố gắng không thay đổi, không vi phạm các phương châm xưng hô trong mỗi quan hệ.

Mạng gia đình là một cấu trúc bền vững mà xưng hô ở đó đóng vai trò là một công cụ biểu thị thái độ, tình cảm. Mọi hình thức xưng hô trong xã hội đều bị ảnh hưởng bởi sự lựa chọn hình thức xưng hô trong mạng gia đình. Khi cố gắng thiết lập những mối liên hệ thân thiết, các vai giao tiếp thường cố gắng hướng đến cách xưng hô như những người thuộc về cùng một mạng gia đình. Qua nghiên cứu trên, chúng tôi thấy rõ một mô hình thu nhỏ, mang tính tiêu biểu, điển mẫu cho mọi liên kết khác trong mô hình liên kết mạng quan hệ xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Khang (chủ biên), *Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1996.
- [2] Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.
- [3] Nguyễn Văn Khang, *Giao tiếp xưng hô tiếng Việt bằng từ thân tộc và việc sử dụng chúng trong giao tiếp công quyền*, Ngôn ngữ học và Việt ngữ học, Số 10, 2014, tr. 38-46.
- [4] Khuất Thị Lan, *Xưng hô trong giao tiếp vợ chồng nông dân người Việt*, Ngôn ngữ và Đời sống, Số 7, 2014, tr. 18-25.
- [5] Hoàng Kim Ngọc, *Từ xưng hô và văn hóa giao tiếp*, Nghiên cứu văn hóa, Số 4, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2013.
- [6] Trương Thị Minh Phương, *Từ xưng hô trong giao tiếp của người Việt*, Thông tin khoa học, 2012, tr. 46-52.
- [7] Bùi Thị Minh Yến, *Xưng hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt*, Ngôn ngữ, Số 3, 1990, tr. 30-38.
- [8] Bùi Thị Minh Yến, *Xưng hô giữa anh, chị và em trong gia đình người Việt*, Ngôn ngữ, Số 3, 1993, tr. 10-19.

- [9] Bùi Thị Minh Yên, *Xưng hô giữa ông, bà và cháu trong gia đình người Việt*, Ngôn ngữ, Số 2, 1994, tr. 31-40.
- [10] Bùi Thị Minh Yên, *Xưng hô giữa các thành viên trong gia đình người Việt*, Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt, NXBVăn hóa Thông tin Hà Nội, 1996, tr. 83-157.

SUMMARY

THE CHANGE OF ADDRESSING IN THE COMMUNICATION OF VIETNAMESE FAMILY FROM THE VIEW OF LANGUAGE SOCIAL NETWORK

Addressing people is always the number one priority in the communication of Vietnamese people. The change of addressing in family shows a part of culture, characteristics and specific nature of one national language. Speakers take full control in choosing the addressing method based on their attitude, context, subject and communication purpose. This paper focuses on the change on how to choose addressing methods in Vietnamese family which is the basic to fully study and analyze another links in language social network.